

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **145/2019/DS-PT**;
Ngày: 17/4/2019;
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thuý.

Các thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương;

Ông Phạm Văn Ngọt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 101/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60A/2019/QĐPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Bình T, sinh năm: 1976. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1962; (có mặt)

Địa chỉ: 124, ấp Phú Th, xã Châu H, huyện G, tỉnh Bến Tre;

Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm: 1971; (vắng mặt)

Địa chỉ: 812, ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre;

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Nguyên đơn - ông Dương Bình T trình bày:

Vào 30/10/2015, vợ chồng ông H và bà P có mượn ông số tiền 20.000.000 đồng, ông giao tiền cho ông H bà P. Khi cho mượn có làm giấy mượn nợ, giấy này do bà P viết, ông H và bà P cùng ký tên, thời hạn trả là ngày 10/11/2015, cho

mượn không có lãi. Tuy nhiên, đến ngày trả ông H, bà P không trả cho ông mà xin mượn thêm tiền. Do có quan hệ họ hàng (ông H bà P gọi ông là cậu Út) nên vào ngày 16/11/2015, vợ chồng ông H và bà P có mượn ông tiếp số tiền 15.000.000 đồng, ông giao tiền cho ông H. Khi cho mượn có làm giấy mượn nợ, giấy này do bà P viết, ông H và bà P cùng ký tên, thời hạn trả là ngày 16/5/2016, cho mượn không có lãi. Tổng cộng ông H bà P mượn của ông số tiền là 35.000.000 đồng. Tên thường gọi của ông là Út Cu Em.

Từ khi đến hạn trả cho đến nay, ông H bà P không trả cho ông số tiền trên. Nhiều lần ông đến đòi, ông H bà P hứa trả nhưng không trả. Khoảng đầu tháng 7/2018 ông có đến nhà ông H bà P để yêu cầu hai người trả tiền cho ông nhưng ông H bà P không có thiện chí trả và thách thức ông khởi kiện. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và bà P có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền vay là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn - ông Nguyễn Văn H trình bày:

Vào 30/10/2015, vợ chồng ông có mượn ông T số tiền 20.000.000 đồng để làm tiệc cưới cho con. Ông cũng thừa nhận giấy nợ này do bà P viết, và vợ chồng ông cùng ký tên. Theo thời hạn trả trong giấy nợ là 10/11/2015. Vì vậy, ngày 10/11/2015, vợ chồng ông đã trả số tiền 20.000.000 đồng cho ông T tại nhà của ông bà. Khi giao tiền cho ông T, do tin tưởng nên các bên không có làm giấy giao nhận tiền, ngoài ông, bà P và ông T thì không có ai làm chứng vấn đề này.

Vì vợ chồng ông đã trả xong số tiền 20.000.000 đồng cho ông T nên ngày 16/11/2015, ông T cho vợ chồng ông mượn số tiền là 15.000.000 đồng. Ông thừa nhận giấy nợ này do bà P viết, và vợ chồng ông cùng ký tên. Đúng ngày trả như trong giấy nợ là ngày 16/5/2016, vợ chồng ông trả cho ông T số tiền 15.000.000 đồng, khi giao tiền cho ông T các bên không có làm giấy tờ và không có người làm chứng.

Vì vậy, với yêu cầu của ông T, vợ chồng ông không đồng ý.

Vợ chồng ông gọi ông T là cậu Út, Út Cu Em là tên thường gọi của ông T. Khi cho mượn, tuy giấy không ghi lãi nhưng thực tế lãi suất là 10%/tháng. Vợ chồng ông đã đóng lãi đầy đủ cho ông T, việc đóng lãi cũng không có giấy tờ chứng minh. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 145/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Dương Bình T.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm liên đới trả cho ông Dương Bình T số tiền vay là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng). Ghi nhận ông T không yêu cầu ông H bà P phải trả tiền lãi đối với số tiền này.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/12/2018, ông Nguyễn Văn H là bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Do không đồng ý với nội dung án sơ thẩm, ông H đề nghị giải quyết sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn – ông Dương Bình T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông H. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 145/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự, bác kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 145/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Dương Bình T và vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim P có giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau thể hiện qua giấy viết tay có chữ ký và chữ viết đề tên “Nguyễn Thị Kim P” “Nguyễn Văn H”, có nội dung cụ thể như sau:

- Giấy viết tay thứ nhất:

“Hôm nay ngày 30.10.2015 Vợ chồng con có mượn Cậu Út số tiền là 20.000.000 đ (Hai chục triệu đồng chẵn) cho tới ngày 10.11.2015. vợ chồng con sẽ trả cho cậu”

- Giấy viết tay thứ hai:

“Hôm nay ngày 16.11.2015 (DL)

Nhằm ngày 4.10.2015 (AL)

Tôi Nguyễn Văn H vợ Nguyễn Thị Kim P có mượn của Cậu út Cu Em số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng chẵn)

Cho đến ngày 16.5.2016 (DL) Vợ chồng tôi sẽ hoàn trả lại cho cậu số tiền trên.”

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn - ông H cũng thừa nhận vợ chồng ông có mượn tiền của ông T hai lần với tổng số tiền là 35.000.000 đồng, thừa nhận các giấy viết tay mà ông T cung cấp cho Tòa án làm cơ sở khởi kiện vợ chồng ông là do vợ ông (bà P) viết, ông và bà P cùng ký tên. Theo ông H thì tuy giấy mượn tiền không ghi lãi nhưng thực tế lãi suất đối với 02 khoảng vay trên là 10%/tháng. Vợ chồng ông đã đóng lãi đầy đủ cho ông T và đã trả đủ tiền cho ông T nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở.

[3] Về tiền lãi: Ông T không yêu cầu nên được ghi nhận và không xem xét là có căn cứ, đúng quy định.

[4] Tại biên bản xác minh ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thì ông H và bà P là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Và theo biên bản xác minh ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm tại Công an xã Châu Hòa thể hiện bà P không thường xuyên sống tại địa phương, khoảng 04 đến 05 tháng mới về một lần. Đồng thời, tại biên bản hòa giải ngày 14/8/2018 và biên bản về việc ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 04/10/2018 thì ông H cho rằng bà P biết vụ kiện này và biết được việc Tòa án mời để giải quyết vụ án nhưng do đã trả hết nợ cho ông T và bà phải đi làm kiếm tiền nên bà không thể về tham gia theo giấy mời của Tòa án.

[5] Ông H kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo ông H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 145/2018/DSST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.
Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 145/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Dương Bình T.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm liên đới trả cho ông Dương Bình T số tiền vay là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng). Ghi nhận ông T không yêu cầu ông H và bà P phải trả tiền lãi đối với số tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu án phí là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Dương Bình T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 875.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018297 ngày 17/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021414 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre(1b);
- TAND huyện Giồng Trôm (1b);
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm (1b);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp(3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thị Thanh Thuý